

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số điểm của Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng phí đo đạc lập bản đồ địa chính; phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất và phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định danh mục, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Lâm Đồng tại Tờ trình số 3357/TTr-STC ngày 05 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điểm 3 Mục I, Điểm 3 Mục II và Điểm 2 Mục III Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính; Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất và Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai

trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Mục I (phí đo đạc lập bản đồ địa chính):

3. Mức thu phí:

Số TT	Hạng mục lệ phí	ĐVT	Mức thu	
			Tại các phường, thị trấn	Tại các xã
I	Đo đạc lập bản đồ địa chính			
1	Bản đồ tỷ lệ 1/500	đồng/ha	10.273.000	Không phát sinh
2	Bản đồ tỷ lệ 1/1.000	đồng/ha	3.488.000	3.180.000
3	Bản đồ tỷ lệ 1/2.000	đồng/ha	1.124.000	1.012.000
4	Bản đồ tỷ lệ 1/5.000	đồng/ha	467.000	423.000
5	Bản đồ tỷ lệ 1/10.000	đồng/ha	266.000	239.000
II	Trích đo bản đồ địa chính			
1	Thửa đất có diện tích đến 500 m ²	đồng/m ²	1.500	1.400
2	Thửa đất có diện tích từ trên 500 đến 1.000 m ²	đồng	750.000	700.000
3	Thửa đất có diện tích từ trên 1.000 đến 3.000 m ²	đồng	1.400.000	1.120.000
4	Thửa đất có diện tích từ trên 3.000 đến 5.000 m ²	đồng	3.600.000	2.880.000
5	Thửa đất có diện tích từ trên 5.000 đến 10.000 m ²	đồng	5.000.000	4.000.000
6	Thửa đất có diện tích từ trên 01 đến 5ha	đồng	6.000.000	4.800.000
7	Thửa đất có diện tích từ trên 05 đến 10 ha	đồng	8.000.000	6.400.000
8	Thửa đất có diện tích từ trên 10 đến 50 ha	đồng	8.500.000	6.800.000

9	Thửa đất có diện tích từ trên 50 đến 100 ha	đồng	9.500.000	7.600.000
10	Thửa đất có diện tích từ trên 100 đến 500 ha	đồng	10.700.000	8.560.000
11	Thửa đất có diện tích từ trên 500 ha	đồng	12.500.000	10.000.000

2. Mục II (Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất):

3. Mức thu phí:

Số TT	Loại hồ sơ	Mức thu (đồng/hồ sơ)	
		Đất ở	Các loại đất khác
1	Hồ sơ có diện tích < 100 m ²	100.000	200.000
2	Hồ sơ có diện tích từ 100 m ² đến 300 m ²	200.000	400.000
3	Hồ sơ có diện tích từ trên 300 m ² đến 500 m ²	300.000	600.000
4	Hồ sơ có diện tích từ trên 500 m ² đến 1.000 m ²	500.000	900.000
5	Hồ sơ có diện tích từ trên 1.000 m ² đến 3.000 m ²	700.000	1.200.000
6	Hồ sơ có diện tích từ trên 3.000 m ² đến 10.000 m ²	1.000.000	1.500.000
7	Hồ sơ có diện tích từ trên 01ha đến 10ha	Không phát sinh	2.000.000
8	Hồ sơ có diện tích từ trên 10ha đến 50ha	Không phát sinh	3.000.000
9	Hồ sơ có diện tích từ trên 50ha đến 100ha	Không phát sinh	5.000.000
10	Hồ sơ có diện tích từ trên 100ha đến 500ha	Không phát sinh	6.300.000
11	Hồ sơ có diện tích từ 500 ha trở lên	Không phát sinh	7.500.000

3. Mục III (Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai):

2. Cơ quan thu phí: Văn phòng đăng ký đất đai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này, các nội dung liên quan khác giữ nguyên theo Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính; Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất và Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /- *Đoàn Văn Việt*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt